

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2023/DS-PT**
Ngày: 31-3-2023
V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang
Bà Đỗ Thị Nhung
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đường Hạc Vương Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường 5 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2023/QĐ-PT ngày 10/02/2023, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa số 162/TB.TA ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948.
HKTT: Khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đại G, sinh năm 1960. (Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2022)
HKTT: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Tổ B, khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
+ Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1972.
HKTT: khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: tổ N, khu phố T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đại G, sinh năm 1960. (Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2022)

HKTT: phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 30/3/2004.

Địa chỉ: thị xã N, tỉnh Bình Định.

+ Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Cháu Nguyễn Trúc N, sinh ngày 15/10/2004.

+ Cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/6/2006.

Địa chỉ: Tổ B, khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Ông Nguyễn Đắc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ B, khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1.

(Ông G, bà T, ông T, chị N, chị L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đại G trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1967. Năm 1976, ông T và bà T chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Khi về ấp M, xã P, huyện T, ông T và bà T có sang nhượng phần diện tích đất để làm nhà và sinh sống. Trong quá trình chung sống vợ, chồng thường xuyên đi làm ăn xa. Đến năm 1993, ông T đã bán căn nhà và đất trên để mua lại phần diện tích đất ở khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông T chết năm 2007, khi chết ông T không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống ông T và bà T có 03 người con gồm:

+ Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Nguyễn Đắc T1, sinh năm: 1977 (chết năm 2003), có 01 người con tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2003.

Ngoài ra không còn ai khác.

Tài sản của ông T để lại sau khi chết gồm một thửa đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Vì cần vốn để làm ăn nên gia đình thoả thuận đồng ý để cho anh Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 sang nhượng đi một phần diện tích đất. Sau khi tách sổ cho người sang nhượng xong, phần đất còn lại diện tích 908m², thửa đất 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 287718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/8/2015.

Vì lúc bấy giờ gia đình chưa thống nhất ý kiến về việc phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, tất cả thống nhất để anh Nguyễn Đắc T là người đại diện đứng tên quyền sử dụng đất, có ghi rõ là đất sử dụng chung cho 04 người gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Đắc T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Trúc L (con của anh Nguyễn Đắc T1). Vì vậy, ông T sinh sống ở ngôi nhà được ông Nguyễn Văn T xây dựng trên đất đó.

Nay bà T đã nhiều tuổi, thường hay đau ốm và cháu nội Nguyễn Thị Trúc L tuổi đã lớn nên chúng tôi yêu cầu chia sản sản thừa kế là diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cho từng người để quản lý, sử dụng riêng.

Bà T yêu cầu ông Nguyễn Đắc T thực hiện việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật như sau:

- Bà T được quyền quản lý sử dụng đất đối với ½ giá trị tài sản tranh chấp là 454m².

- ½ diện tích đất còn lại chia làm 04 phần, mỗi người 01 phần:

Bà T, ông T, bà T1, cháu L mỗi người quản lý sử dụng 113,5m². Riêng phần đất bà T được quyền quản lý, sử dụng tổng cộng là 567,5m².

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4548/2021 ngày 29/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T ông thống nhất và không có ý kiến gì khác. Ông xác định phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế có diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đối với phần đất chỉ dẫn trong quá trình đo vẽ có lẫn sang phần lối đi chung, bà T không tranh chấp.

Ông yêu cầu chia thừa kế cho bà T cụ thể như sau:

Bà T yêu cầu được chia quyền quản lý, sử dụng thửa 445c, diện tích 238.8m², được giới hạn bởi các mốc 3', 5', 9', 4', 3'; thửa số 445d, diện tích 161,6m², được giới hạn bởi các mốc 2, 3, 6', 5', 2', 2 và thửa 445e, diện tích 160m², được giới hạn bởi các mốc 3, 4, 6, 6', 3.

Đối với bản cam kết, được ký kết giữa bà T với ông T và bà T1 nội dung thể hiện diện tích của bà T1 là 450m², diện tích còn lại 915m² là của ông T, được UBND xã P xác nhận chữ ký bà T thừa nhận là chữ ký của bà T, bản cam

kết trên là có thật, đó là sự thoả thuận của những người thừa kế đối với diện tích thửa đất số 445, tờ bản đồ số 18, xã P. Tuy nhiên, đây là sau khi đã chia diện tích 457m², thành thửa 446, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T đã bán cho bà H. Phần còn lại 908m² chỉ cam kết giao cho ông T quản lý dùm, không phải chia cho ông T.

Đối với chứng thư thẩm định giá số 79/CT-THM ngày 11/02/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm Định Giá M ông không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại bản tự khai đề ngày 29/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đắc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của ông, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945 (chết 27/5/2007) là cha ruột của ông.

Gia đình ông có tất cả 04 anh em gồm:

- Nguyễn Đắc T2, sinh năm: 1970. (chết năm 1990), anh T2 không có vợ, con. Nên gia đình thống nhất không xác định là hàng thừa kế.

- Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1972.

- Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1974.

- Nguyễn Đắc T1, sinh năm: 1977 (chết 2003), vợ tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1980, có 01 con tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 2003 (sống với bà ngoại ở Bình Định)

Cha, mẹ ông là bà T và ông T, chung sống với nhau khoảng năm 1966 – 1967, đến khoảng năm 1984-1986 mẹ ông tự bỏ đi. Anh T2 và anh T1 chết cũng không biết bà T ở đâu, bà T về lại năm nào ông không nhớ thời điểm đó cha ông bệnh nặng, sau đó đi tiếp rồi quay lại tranh chấp sau khi cha ông chết, đến năm 2015 bà T mới về xin nhập khẩu để làm chứng minh nhân dân, gia đình ông đồng ý cho nhập khẩu.

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa 445 tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Cha ông là ông T mua lại của ông Đinh Ngọc T vào năm 1992-1993 khoảng 5000m². Năm 1993 cha ông làm nhà ở. Sau đó cha ông bán làm hai lần tổng diện tích hơn 3000m², diện tích còn lại 1.365m², cha ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên một mình cha ông, ông không nhớ năm nào. Sau khi cha ông chết bà T bắt đầu quay về yêu cầu chia tài sản, sau khi cha ông chết gia đình ông kê khai để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi kê khai thì những ai còn sống phải ghi tên vào để thực hiện được thủ tục cấp lại giấy, nên kê khai có tên bà T, thực ra bà T không có công sức gì trong khối tài sản này.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013, có tên bà T, chị T1, ông và cháu L. Bà T và chị T1 bắt đầu yêu cầu chia tài sản. Ông với bà T, chị T1, cháu L tiến hành chia, phần của bà T và chị T1 được chia là 450m², phần của ông và cháu L là 915m², vì cháu L mới 10 tuổi nên ông là người đại diện cho cháu, bà T và chị T1 lập Đơn cam kết phần diện tích đất còn

lại 915m² là của ông và cháu L, không ai được tranh chấp. Đơn cam kết được UBND xã P chứng thực số 118, Q3/2014 ngày 09/02/2015.

Khi ông, bà T, bà T1 và cháu L phân chia đất cho bà T và bà T1 có ghi diện tích 450m² và còn lại của ông là 915m², ghi lập cam kết này chưa đo vẽ cụ thể, chỉ căn cứ vào diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia. Sau khi đo vẽ để tách phần của bà T và bà T1 thì diện tích tăng lên 457m², ông và cháu L chỉ còn 908m².

Phần đất của bà T và chị T1 bán cho bà Đoàn Thị Ánh H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp M, phường P, Thành phố H, tỉnh Đồng Nai (hiện bà H theo ông được biết sống ở Lâm Đồng còn cụ thể ở đâu ông không biết). Người đứng ra mua đất giúp chị H là người quen của chị H tên Đoàn Như H. Khi bà H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi tách thửa, ông có nói với bà H sau khi tách xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại của ông, chỉ một mình ông và cháu L đứng tên sở hữu, nhưng bà H nói tài sản đã chia thừa kế xong, có đứng tên cũng không ảnh hưởng gì nên mới có tên bà T và bà T1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Diện tích 915m², sau khi đo đạc lại chỉ còn 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P.

Đối với phần diện tích đất 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai giờ là của ông và cháu L. Phần của bà T và chị T1 đã bán cho bà H rồi, tiền bà T1 là người nhận. Vì sợ sau này bà T và chị T1 sẽ quay lại đòi tiếp nên ông yêu cầu bà T và bà T1 làm cam kết, bà T và bà T1 đã ký vào cam kết. Do đó, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Đối với phần diện tích đất của ông và cháu L, ông và cháu L sẽ thoả thuận phân chia đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4548/2021 ngày 29/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T ông thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Đối với chứng thư thẩm định giá số 79/CT-THM ngày 11/02/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm Định Giá M ông không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại bản tự khai đề ngày 29/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Đắc T.

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4548/2021 ngày 29/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T bà thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Đối với chứng thư thẩm định giá số 79/CT-THM ngày 11/02/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm Định Giá M bà không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại bản tự khai đề ngày 16/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:

Cha, mẹ ruột của bà là bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1967. Năm 1976, gia đình chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Khi về ấp M, xã P, huyện T, cha, mẹ bà có sang nhượng phần diện tích đất để làm nhà và sinh sống. Trong quá trình chung sống cha, mẹ thường xuyên đi làm ăn xa. Đến năm 1993, ông T đã bán căn nhà và đất trên để mua lại phần diện tích đất ở khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông T chết năm 2007, khi chết ông T không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống ông T và bà T có 4 người con gồm:

+ Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: phường A, Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: khu B, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Nguyễn Đắc T1, sinh năm: 1977 (chết năm 2003), có 01 người con tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2003.

+ Nguyễn Đắc T2, sinh năm: 1970. (chết năm 1990), anh T2 khi chết còn nhỏ, không vợ, con. Do đó, anh chị em cùng thống nhất không đưa anh T2 vào hàng thừa kế nữa.

Ngoài ra không còn ai khác.

Tài sản của ông T để lại sau khi mất gồm một thửa đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Vì cần vốn để làm ăn nên gia đình thỏa thuận đồng ý để cho anh Nguyễn Đắc T và bà sang nhượng đi một phần diện tích đất. Năm 2015, sau khi tách sổ cho người sang nhượng cho bà Đoàn Thị Ánh H xong, phần đất còn lại diện tích 908m², thửa đất 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 287718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/8/2015.

Vì lúc bấy giờ gia đình chưa thống nhất ý kiến về việc phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, tất cả thống nhất để ông Nguyễn Đắc T là người đại diện đứng tên quyền sử dụng đất, có ghi rõ là đất sử dụng chung cho 04 người gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Đắc T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Trúc L (con của anh Nguyễn Đắc T1). Vì vậy, ông T sinh sống ở ngôi nhà được ông Nguyễn Văn T xây dựng trên đất đó.

Nay bà T là mẹ bà đã nhiều tuổi, thường hay đau ốm và cháu bà là Nguyễn Thị Trúc L tuổi đã lớn nên bà yêu cầu chia tài sản thừa kế là diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cho từng người để quản lý, sử dụng riêng, việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4548/2021 ngày 29/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T bà thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Theo bản đồ hiện trạng thửa đất trên bà yêu cầu được chia phần đất thuộc thửa 445a, diện tích 2, 2', 1', 11, 2.

Phần còn lại sau khi chia cho bà T và bà xong là của ông T và cháu L.

Đối với bản cam kết, được ký kết giữa bà với ông T và bà T nội dung thể hiện diện tích của bà là 450m², diện tích còn lại 915m² là của ông T, được UBND xã P xác nhận chữ ký bà thừa nhận là chữ ký của bà, bản cam kết trên là có thật, đó là sự thoả thuận đối với diện tích thửa đất số 445, tờ bản đồ số 18, xã P. Tuy nhiên, đây là sau khi đã chia diện tích 457m², thành thửa 446, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T. Phần còn lại 908m², bà và bà T cam kết giao cho ông T quản lý dùm, không phải chia cho ông T.

Khi bán đất cho bà H, bà và bà T là người uỷ quyền cho ông Đoàn Như H để làm thủ tục bán đất. Sau khi bán đất cũng chia đều cho những người cùng thừa kế, nhưng không có chia cho cháu L. Lời khai của ông H ngày 08/6/2022 là đúng sự thật.

Việc chia tiền bà không nhớ, chia như thế nào. Chia nhiều lần, lâu rồi nên không còn chứng cứ gì để chứng minh.

Đối với chứng thư thẩm định giá số 79/CT-THM ngày 11/02/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm Định Giá M bà không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự 01/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là bà nội của chị, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945 (chết 27/5/2007) là ông nội của chị.

- Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1972 là cô ruột.
- Nguyễn Đắc T, sinh năm: 1974 là bác ruột.
- Nguyễn Đắc T1, sinh năm: 1977 (chết 2003) là cha ruột của cháu.
- Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1980 là mẹ ruột của cháu.

Ông, bà nội có cho cha chị một mảnh đất, sau khi cha chị chết ông, bà nội và bác, chú và cô có cho phần đó lại cho chị.

Phần diện tích đất đã cho chị ở xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trước đây cụ thể diện tích bao nhiêu thì chị không biết, hiện phần đất của chị do bác T là người đang quản lý dùm.

Gia đình có thống nhất, ông nội chết để lại một miếng đất, bà nội, cô T1, chị và bác T cùng chung sở hữu, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này, sau đó bà nội và cô T1 yêu cầu chia, bà nội và cô T1 đã được chia xong, phần còn lại là của chị và bác T, khi chị đủ tuổi bác T sẽ tách cho chị sau.

Diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, diện tích còn lại này chị xác định là của chị và bác T.

Trong vụ án này, bà nội và cô T1 yêu cầu chia đất nữa chị không đồng ý. Vì trước đây đã chia cho bà nội và cô T1 rồi, bây giờ không được chia nữa.

Tài sản chung còn lại của chị với bác T, để chị với bác T tự thỏa thuận sau, chị không yêu cầu Tòa án phải giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự 26/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Trúc N và người đại diện hợp pháp cho cháu N là ông Nguyễn Đắc T và bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Cháu là con ruột của ông Nguyễn Đắc T và bà Lê Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị T là bà nội cháu, bà Nguyễn Thị Thanh T1 là cô ruột cháu, Nguyễn Thị Trúc L là em bà con của cháu.

Hiện cháu đang sống cùng với ba T, mẹ N trên ngôi nhà và đất mà bà nội cháu đang tranh chấp thuộc thửa đất 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Cháu biết được bà nội đang tranh chấp yêu cầu ba cháu chia đất cho bà nội và cô T1. Phần đất này trước kia là của ông Nội cháu đã chết để lại. Vì cháu còn nhỏ nhưng cháu biết được trước đây phần đất ông Nội để lại bà Nội và cô T1 đã về yêu cầu ba cháu chia 01 lần, nên lần này chia thêm nữa cháu không đồng ý. Phần đất này là của ba cháu.

Bà Nội và cô T1 không sống ngày nào trên nhà và đất này, cũng không có về thăm cháu ngày nào.

Nay cháu yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia đất của bà Nội và cô T1, vì đã chia cho bà Nội và cô T1 rồi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự 26/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Anh T và người đại diện hợp pháp cho cháu Tuấn ông Nguyễn Đắc T và bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Cháu là con ruột của ông Nguyễn Đắc T và bà Lê Thị Hồng N, bà Nguyễn Thị T là bà nội cháu, bà Nguyễn Thị Thanh T1 là cô ruột cháu, Nguyễn Thị Trúc L là em bà con của cháu.

Hiện cháu đang sống cùng với ba T, mẹ N trên ngôi nhà và đất mà bà nội cháu đang tranh chấp thuộc thửa đất 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Cháu biết bà nội đang tranh chấp yêu cầu ba cháu chia đất cho bà nội và cô T1. Trước đây cháu có gặp bà nội và cô T1 về làm gì thì cháu không rõ vì cháu còn nhỏ, sau này cháu biết được đó là về chia đất. Phần đất này trước kia là của ông nội cháu đã chết để lại. Bà nội và cô T1 đã về yêu cầu ba cháu chia 01 lần, nên lần này chia thêm nữa cháu không đồng ý. Phần đất này là của ba cháu.

Bà Nội và cô T1 không sống ngày nào trên nhà và đất này, cũng không có về thăm cháu ngày nào.

Nay cháu yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu chia đất của bà Nội và cô T1, vì đã chia cho bà Nội và cô T1 rồi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/6/2022, người làm chứng anh Đoàn Như H trình bày:

Anh biết bà Nguyễn Thị T là mẹ của anh Nguyễn Đắc T, chị T1 là chị anh T, chị ruột anh tên Đoàn Thị Ánh H nghe chị T1 nói muốn bán đất nên chị H mua, khi chị anh mua đất của chị T1, vì không muốn làm thủ tục tách thửa nhiều lần nên chị T1 và bà T làm thủ tục uỷ quyền cho anh để anh chuyển nhượng một phần diện tích đất thuộc thửa 446 (được tách ra từ thửa 290), tờ bản đồ số 18 xã P cho chị H. Khi giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chị H là chị ruột của anh giao dịch trực tiếp với chị T1, giao tiền cho chị T1 còn việc giữa bà T và chị T1 thoả thuận thế nào anh không biết. Khi ký chuyển nhượng anh T có ký chuyển nhượng vì có đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân huyện Long Thành đã căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Đắc T về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Đắc T và cháu Nguyễn Thị Trúc L về chia di sản thừa kế khi có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/9/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo; Ngày 31/8/2022 và ngày 12/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 445, tờ bản đồ số 18, diện tích 908m² tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Diện tích 908m² tranh chấp có nguồn gốc trước đây thuộc thửa 135 tờ bản đồ số 2 có diện tích 5125m² được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 562134 ngày 11/3/2004 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

Ngày 14/6/2008, bà T, ông T, bà T1 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 4765m² – đất do ông T đứng tên. Nội dung: *Nay chúng tôi cùng đồng ý ký tên để lại phần đất có diện tích 4765m² để cho ông T được đứng tên đại diện thực hiện việc lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Sau khi cấp đổi ông T có trách nhiệm lập thủ tục tách thửa cho các bà T, T1, L, T.*

Ngày 25/11/2003 ông Nguyễn Đắc T được đứng tên trên giấy chứng nhận số BO 186719 thửa 290 tờ bản đồ 18 diện tích 1365m² do UBND huyện T cấp (theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 187, quyền số 2/TP/CC-HĐGD ngày 14/6/2008). Giấy chứng nhận ghi ông T là người đại diện của những người được thừa kế gồm bà T, bà T1, cháu L.

Ngày 13/7/2015 ông T xin tách thửa 290 tờ bản đồ 18 thành 2 thửa: Thửa 445 tờ bản đồ 18 diện tích 908m² được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 287718 ngày 25/8/2015 cho ông T đứng tên (là người đại diện của những người được thừa kế gồm bà T, bà T1, cháu L); Thửa 446 tờ bản đồ 18 diện tích 457m² được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 2877119 ngày 25/8/2015 cho ông T đứng tên (là người đại diện của những người được thừa kế gồm bà T, bà T1, cháu L).

Ngày 09/02/2015 giữa ông T, bà T và bà T1 có lập Đơn cam kết có nội dung: *“Trước đây chồng tôi tên Nguyễn Văn T có một thửa đất 290 TĐĐ 18 số sổ DO 186719 cấp ngày 25/11/2013. Nay ủy quyền lại cho con tôi là Nguyễn Đắc T và Nguyễn Thị Thanh T1. Diện tích của Nguyễn Thị Thanh T1 là 450m². Diện tích còn lại 915m² là của Nguyễn Đắc T toàn quyền sử dụng và diện tích này không bị tranh chấp”*. Các đương sự đều thừa nhận chữ ký, chữ viết là của bà T, ông T và bà T1. Khi viết bản cam kết trên chỉ căn cứ vào tổng diện tích của thửa 290 tờ bản đồ 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai rồi tự tính phân chia ra. Sau khi đo đạc thực tế để tách thửa, diện tích 915m² hiện chỉ còn 908m².

Ngày 09/9/2015, ông T, ông Đoàn Như H (do bà T, bà T1 ủy quyền) ký hợp đồng chuyển nhượng thửa 446 cho bà Đoàn Thị Ánh H và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cập nhật biến động lên trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông T, ông ký tên chỉ để đảm bảo về mặt thủ tục chuyển nhượng còn thực tế việc chuyển nhượng và nhận tiền là do bà T1 thực hiện, ông không được chia tiền. Bà T1 khai khi nhận tiền là cả 4 người gồm bà, bà T, ông T và cháu L đều nhận và bà đã chia tiền lại cho ông T và cháu L nhưng bà không có chứng cứ chứng minh.

Đại diện nguyên đơn xác định việc lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 14/6/2008 mục đích tách thửa để chuyển nhượng đất cho người khác. Việc lập Đơn cam kết vào ngày 09/02/2015 chỉ để cho ông T được quyền quản

lý sử dụng đất mà không phải là các bên phân chia thừa kế là không phù hợp vì sau khi có văn bản thỏa thuận năm 2008 ông T đã được đại diện những người thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 290 tờ bản đồ 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai tức là ông T đã có các quyền của người sử dụng đất mà không cần phải có thêm bản cam kết ngày 09/02/2015 ông T mới có quyền sử dụng đất. Sau khi có Đơn cam kết, ngày 09/02/2015 bà T1, bà T đã chuyển nhượng cho bà H đúng với phần diện tích mà bà T1 được quyền sử dụng theo Đơn cam kết. Từ những phân tích trên thấy rằng, việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là quyền sử dụng đất thửa 290 tờ bản đồ 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai đã được bà T, ông T và bà T1 tự thỏa thuận phân chia xong. Thực tế bà T và bà T1 đã chuyển nhượng phần tài sản thừa kế được chia cho bà H xong và đã cam kết không tranh chấp gì đối với phần diện tích 908m². Vì vậy, phần diện tích 908m² thửa 445 tờ bản đồ 18 xã P, huyện T không còn là di sản thừa kế của ông T đối với bà T, bà T1.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà T1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Thanh T1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đắc T chia di sản thừa kế là phần đất diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 287718 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/8/2015 cấp cho ông Nguyễn Đắc T (là người đại diện cho những người được thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Trúc L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đắc T). Bà T cho rằng, phần diện tích đất 908m² là tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 (chết năm 2007), chưa được chia. Ông T chết không để lại di chúc. Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4548/2021 ngày 29/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh T, bà yêu cầu chia thừa kế cụ thể như sau: Bà T yêu cầu được chia quyền quản lý, sử dụng các thửa 445c, diện tích 238.8m², được giới hạn bởi các mốc 3', 5', 9', 4', 3'; thửa số 445d, diện tích 161,6m², được giới hạn bởi các mốc 2, 3, 6', 5', 2', 2 và thửa 445e, diện tích 160m², được giới hạn bởi các mốc 3, 4, 6, 6', 3. Phần diện tích còn lại của thửa đất 445, tờ bản đồ số 18 xã P sẽ chia cho các thừa kế khác theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đắc T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Lý do, tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T chết để lại là phần diện tích đất thuộc thửa 290, tờ bản đồ số 18, diện tích 1365m². Năm 2015, bà T và bà T1 yêu cầu chia di sản thừa kế nên gia đình thống nhất đã chia cho bà T và bà T1, cụ thể: Phần đất của bà T và bà T1 được chia diện tích 457m², tách thửa 446, tờ bản đồ số 18 xã P. Bà T và bà T1 uỷ quyền cho ông Đoàn Như H bán tài sản được chia cho người khác và bà T, bà T1 đã làm bản cam kết phần diện tích đất còn lại là của ông T và cháu L.

[3.2] Về yêu cầu kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 445, tờ bản đồ số 18, diện tích 908m² tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình năm 1968, theo trích lục chứng thư hôn thú (không rõ số và ngày), ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945, chết ngày 27/5/2007 theo giấy chứng tử số 65, quyển số 1, ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ông T chết không để lại di chúc.

Ngày 12/5/2008, ông Nguyễn Đắc T thừa kế quyền sử dụng đất thửa đất 290, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, diện tích 1.365m² từ ông Nguyễn Văn T. Ngày 25/11/2013, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 186719 cho ông Nguyễn Đắc T (là người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất gồm bà Nguyễn Trúc L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đắc T).

Ngày 13/7/2015, ông Nguyễn Đắc T xin tách thửa đất số 290, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai thành 02 thửa:

Thửa đất thứ nhất số 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai, diện tích 908m² (loại đất: CLN) được sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 287718 ngày 25/8/2015 cho ông Nguyễn Đắc T (là người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất gồm bà Nguyễn Trúc L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đắc T).

Thửa đất thứ hai số 446, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai, diện tích 457m² (loại đất: CLN) được sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 287719 ngày 25/8/2015 cho ông Nguyễn Đắc T (là người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất gồm bà Nguyễn Trúc L, bà Nguyễn Thị Thanh T1, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đắc T).

Nguyên đơn bà T yêu cầu chia di sản thừa kế là phần diện tích đất 908m² thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 18 tại xã P, huyện T. Trong quá trình tiến hành tố tụng ông Nguyễn Đắc T cung cấp chứng cứ cho rằng bà T, bà T1 đã được chia thừa kế phần di sản là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T chết để lại là

“Đơn cam kết” giữa bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Đắc T và Nguyễn Thị Thanh T1, nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn T có một thửa đất 290, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai, số sổ BO 186719 cấp ngày 25/11/2013. Nay ủy quyền lại cho con tôi là Nguyễn Đắc T và Nguyễn Thị Thanh T1. Diện tích của Nguyễn Thị Thanh T1 là 450m², diện tích còn lại 915m² là của Nguyễn Đắc T, toàn quyền sử dụng và diện tích này không bị tranh chấp, Đơn cam kết trên được ông Nguyễn Đắc T, bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T ký, ghi rõ họ tên và được UBND xã P xác nhận chữ ký ngày 09/02/2015. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Trúc L cũng đồng ý với nội dung đơn cam kết này và không có thắc mắc, khiếu nại. Đồng thời, các đương sự đều thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong đơn cam kết ngày 09/02/2015 là của bà T, ông T và bà T1. Như vậy, đơn cam kết ngày 09/02/2015 là có thật và có căn cứ.

Các đương sự thừa nhận, khi viết đơn cam kết trên chỉ căn cứ vào tổng diện tích của thửa đất 290, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, rồi tự tính phân chia ra. Sau khi đo đạc thực tế để tách thửa, diện tích 915m² hiện chỉ còn 908m². Căn cứ vào tổng diện tích thửa 290, tờ bản đồ số 18 xã P là 1.365m². Sau khi được tách thửa thành 446, tờ bản đồ số 18 xã P diện tích 457m², diện tích còn lại đúng bằng 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, theo nội dung của Đơn cam kết ngày 09/02/2015 ông T, bà T, bà T1 đã tự phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T. Để thực hiện cam kết này, ông T đã kê khai tách thửa đất 290, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai thành thửa đất 445 và 446. Đối với thửa 446 diện tích 457m² đã chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị Ánh H, điều này các đương sự đều thừa nhận. Bà T1 và bà T trình bày đã đứng ra chuyển nhượng cho bà H sau đó chia tiền cho các đồng thừa kế thông qua uỷ quyền cho ông Đoàn Như H. Tuy nhiên, ông T và chị L trình bày không nhận bất cứ khoản tiền nào từ việc chuyển nhượng đất trên. Bà T1 cho rằng có chia tiền chuyển nhượng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Ngoài ra, ông Đoàn Như H xác định phần diện tích 457m², thửa 446, tờ bản đồ 18 xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai được tách ra từ thửa 290, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, ông H là người đã được bà T, bà T1 uỷ quyền bán lại cho bà Đoàn Thị Ánh H, tiền chuyển nhượng bà T1 là người trực tiếp nhận. Do vậy, việc bà T và bà T1 cho rằng, Đơn cam kết ngày 09/02/2015 mục đích giao phân còn lại cho ông T sử dụng, không phải chia thừa kế cho ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Trúc L xác định phần đất thửa 445, tờ bản đồ số 18, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai diện tích 908m² là của ông T và chị L, ông T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, đề ông T và chị L tự thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế trên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là quyền sử dụng đất đã được bà T, bà T1 và ông T tự thỏa thuận di sản xong. Bà T, bà T1 đã chuyển nhượng phần

tài sản của đã được chia cho bà Đoàn Thị Ánh H, bà T và bà T1 đã cam kết không tranh chấp gì đối với phần diện tích 908m². Do đó, phần diện tích 908m², thửa 445, tờ bản đồ số 18 tại xã P, huyện T không còn là di sản thừa kế của ông T đối với bà T và bà T1.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà T được miễn án phí theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Đắc T về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Đắc T và chị Nguyễn Thị Trúc L về chia di sản thừa kế khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006114 ngày 16/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.120.800đ (hai triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng) và định giá tài sản tranh chấp là 55.819.754đ (năm mươi lăm triệu tám trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND H.Long Thành (1);
- Chi cục THADS H.Long Thành (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Đương sự (6);
- Lưu (6).

Phạm Thị Xuân Đào

